

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2022/HS-PT  
Ngày: 19/9/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vĩnh Yên

*Các thẩm phán:* Ông Vũ Hồng Luyến

Bà Đỗ Thị Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Ngọc Đức - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 273/2022/TLPT-HS ngày 27/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 322/2022/QĐXXPT-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2022/QĐXXPT-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022.

Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu P, Đỗ Trung H và Đặng Đình B đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 251/2022/HSST ngày 15/6/2022 của tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Hữu P; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 23/3/2003, tại: Đồng Nai; Nơi cư trú: 63/3A, tổ 7, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1970; Họ tên mẹ: Trần Thị D, sinh năm 1981; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Bị cáo Đỗ Trung H; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02/11/2002, tại: Đồng Nai; Nơi cư trú: 91/Q3, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ

học vấn: Lớp 11/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Đỗ Văn H, sinh năm 1971; Họ tên mẹ: Trịnh Thị V, sinh năm 1973; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 09/4/2021 đến ngày 11/5/2021. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Vắng mặt)

3. Bị cáo Đặng Đình B; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 24/5/2002, tại: Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 4, xã A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: 9/4, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Đặng Ngọc L, sinh năm 1964; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1969; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư (ba người anh cùng mẹ khác cha); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 28/3/2021 đến ngày 09/4/2021. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Vắng mặt)

- Ngoài ra còn có các bị cáo khác, bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập xét xử.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Phan Trung H và chị Trần Thị Tuyết N (sinh năm 1999, đăng ký thường trú: Tổ 28B, khu phố X, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương) là bạn của nhau. Do H và chị N thường chơi chung với nhau nên chị Thạch Ngọc Trúc Đ (là vợ của H) nghi ngờ H và N có quan hệ yêu đương nên chị Đ nhắn trên mạng xã hội Facebook yêu cầu chị N phải đến gặp nói chuyện xin lỗi chị Đ. Lúc này anh Nguyễn Đức L (là người yêu của chị N) biết sự việc trên nên muốn cùng chị N đi giải quyết mâu thuẫn nhưng chị N không đồng ý. Do sợ chị N đi gặp chị Đ sẽ bị đánh nên anh L rủ các bạn gồm Nguyễn Thái B (sinh năm: 1996, ngụ tại tổ 40C, khu phố 4C, phường Trảng Dài, thành phố B), Hoàng Quốc B, Hoàng Minh C, Phạm Bảo N đến đi cùng với chị N để giải quyết mâu thuẫn.

Khoảng 12 giờ ngày 15/8/2020, nhóm của anh L đến trước quán Karaoke 437, thuộc khu phố 3, phường A, thành phố B, anh L gọi điện cho chị N thì được biết Nhi đã đi đến gặp chị Đ để nói chuyện nên cả nhóm gọi xe Taxi chuẩn bị về. Trong lúc cả nhóm đang đứng đợi xe thì Phan Trung H chở chị N về phòng trọ. Thấy nhóm của L, chị N gọi điện nói cho L biết đã giải quyết xong và B L đi về nhưng L nói muốn gặp H để nói chuyện. Lúc này Nguyễn Hoàng T (là bạn của Phan Trung H) đi từ trong phòng trọ ra thấy H nên T đến đứng gần H. Phan Trung H cho rằng L đưa người xuống để đánh mình nên Chị N đã gọi điện cho B (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nói là đang bị nhóm của L chặn đánh ở trước quán Karaoke 437, thuộc khu phố 3, phường A, thành phố B và nhờ Bình gọi một số người bạn

đang chơi tại nhà của Chị N ra đánh nhóm của L giúp Chị N. Lúc này B nói với Nguyễn Hữu P, Đỗ Trung H, Tiền Minh Đ, Đặng Đình B việc Phan Trung H đang bị chặn đánh và hô hào mọi người cùng đi đánh nhóm của L giúp Chị N thì tất cả đồng ý.

Sau đó P điều khiển xe mô tô hiệu Dream biển số 60F1-995.17 chở Bình, Đ điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển số 67L1-694.70 chở Đỗ Trung H và B đi đến khu vực quán Karaoke 437 gặp Phan Trung H và T. Khi thấy Bình, P, Đ, Đỗ Trung H, B đến thì nhóm của L bỏ đi. Thấy nhóm của L bỏ đi Phan Trung H hô hào cả nhóm đánh nhóm của L. Ngay lúc này B, Đ, Phan Trung H chạy đến dùng tay đánh nhóm L. T điều khiển xe mô tô hiệu vario biển số 60F3-467.90 chở P cầm theo tấm xi măng khoảng 15cmx65cmx1,5cm ở bên đường đuổi theo nhóm của L. Khi T và P đuổi đến phía sau anh Nguyễn Thái B, P nhảy xuống cầm tấm xi măng đánh vào người anh Thái B. Khi P đánh anh Thái B thì tấm xi măng vỡ văng 01 miếng kích thước 15cmx26cmx1,5cm xuống đường. Lúc này T chạy tới nhặt tấm xi măng dưới đường nêu trên ném vào đầu anh B làm anh B ngã nằm xuống đường. Thấy anh B đang nằm dưới đường thì Bình cầm tấm xi măng kích thước 15cmx60cmx1,5cm chạy đến đập vào đầu của anh B. Sau đó Đỗ Trung H cầm viên gạch đỏ ném vào chân của anh B. Phan Trung H cùng đồng bọn tiếp tục đuổi đánh nhóm của L. Lúc này Vũ (không rõ nhân thân, lai lịch) chạy đến nhặt 01 viên gạch ném theo nhóm của L nhưng không trúng ai. Chị Trần Thị Tuyết N thấy anh B bị đánh nằm dưới đất nên đi đến đỡ anh B dậy và can ngăn nên nhóm của Phan Trung H lên xe bỏ đi.

Quá trình điều tra Phan Trung H, Nguyễn Hoàng T, Đỗ Trung H, Nguyễn Hữu P, Đặng Đình B, Tiền Minh Đ khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng:

- 02 (Hai) miếng xi măng hình chữ nhật đã bị vỡ: Miếng thứ nhất kích thước 15cmx39cmx1,5cm; miếng thứ hai kích thước 15cmx26cmx1,5cm là hung khí Nguyễn Hữu P và Nguyễn Hoàng T dùng đánh anh B.

- 01 (Một) viên gạch (Đỗ Trung H sử dụng đánh anh B) và 01 miếng xi măng kích thước 15cmx60cmx1,5cm (do Bình sử dụng đánh anh B) sau khi tiếp nhận nguồn tin Công an phường A, thành phố B đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

- 01 USB màu trắng loại Toshiba lưu giữ đoạn video ghi diễn biến vụ án (lưu trữ tại hồ sơ vụ án).

- 01 xe mô tô hiệu Dream, biển số 60F1-995.17 số khung RLGDSB6UM7H007604, số máy VMSA4BH007604. Qua điều tra xác định xe thuộc sở hữu của anh Nguyễn Anh T. Anh T để xe tại nhà của Phan Trung H sau

đó lên phòng ngủ, Nguyễn Hữu P tự ý lấy xe đi. Anh T không biết P sử dụng xe vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho anh T.

- 01 xe mô tô hiệu Vario biển số 60F3-467.90, qua điều tra xác định xe thuộc sở hữu của bà Trịnh Thị Vĩnh (là mẹ của Đỗ Trung H) cho Chị N mượn để đi mua quần áo và 01 xe mô tô biển số 67L1-694.70 thuộc sở hữu của ông Thạch Ngọc Phương (là bố vợ của Phan Trung H) cho chị Thạch Ngọc Trúc Đào (vợ của Chị N) mượn để đi lại, chị Đ để xe ở nhà. Thấy xe có sẵn chìa khóa Đ tự ý lấy xe đi đánh nhau. Bà Vĩnh và ông Phương không biết Đ và Đỗ Trung H sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ.

\* Tại bản kết luận giám định thương tật số 0756/GDPY/2020 ngày 09/9/2020 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế Đồng Nai, kết luận anh Nguyễn Thái B bị tổn thương như sau:

- Tổn thương vỡ lún (lỗ) sọ đỉnh trái đường kính 2,7x2,7cm; diện não đồ không có ổ tổn thương tương ứng (Áp dụng Chương 1, mục I.4.3). Tỷ lệ: 20%;

- Sẹo đỉnh đầu trái kích thước 2,5x0,7cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%;

- Sẹo trán phải không thẳng hàng nằm ngoài chân tóc kích thước 4,5x0,5cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 06%;

- Sẹo đuôi mắt phải kích thước 1,3x0,2cm (Áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ: 03%;

- Sẹo mu bàn tay trái kích thước 01x01cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%;

- Sẹo mu bàn tay trái kích thước 0,6x0,3cm (Áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ 01%;

- Sẹo 1/3 dưới mặt ngoài đùi trái kích thước 05x0,4cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%;

Kết luận: Căn cứ thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Thái B -1996 áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là: 32% (Ba mươi hai phần trăm); Vật gây thương tích: Vật tày; Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B – Đồng Nai xác minh trong quá trình điều trị tại bệnh viện có tổn thương não vùng chẩm trái hay không (do hiện tại kết quả chụp CT-Scanner sọ não có ổ dập não (tổn thương não)? Nếu có đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B trung cầu giám định bổ sung.

\* Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 435/GĐPY/2021 ngày 11/6/2021 của Viện pháp y Tâm thần Trung ương B – Bộ Y tế, kết luận anh Nguyễn Thái B bị tổn thương như sau:

- Về y học:

+ Hiện nay: Đang sự bị bệnh Rối loạn cảm xúc không ổn định (suy nhược) thực tổn (F06.6 – ICD.10). Tỷ lệ thương tật 21%;

+ Tổng tỷ lệ thương tật tâm thần và tổn thương cơ thể là 46%.

\* Tại bản kết luận giám định Pháp y về thương tích (giám định bổ sung) số 0335/GĐPY/2021 ngày 28/4/2021 của Trung tâm pháp y-Sở y tế Đồng Nai, kết luận anh Nguyễn Thái B bị tổn thương như sau:

- Tổn thương vỡ lún (lỗ) sọ đỉnh trái đường kính 2,7x2,7cm; diện não đồ không có ổ tổn thương tương ứng đã được định tỷ lệ: 20%;

- Sẹo đỉnh đầu trái kích thước 2,5x0,7cm đã được định tỷ lệ: 02%;

- Sẹo trán phải không thẳng hàng nằm ngoài chân tóc kích thước 4,5x0,5cm đã được định tỷ lệ: 06%;

- Sẹo đuôi mắt phải kích thước 1,30,2cm đã được định tỷ lệ: 03%;

- Sẹo mu bàn tay trái kích thước 01x01cm đã được định tỷ lệ: 02%;

- Sẹo mu bàn tay trái kích thước 0,6x0,3cm đã được định tỷ lệ: 01%;

- Sẹo 1/3 dưới mắt ngoài đùi trái kích thước 05x0,4cm đã được định tỷ lệ: 02%;

- Tổn thương não vùng chẩm trái kích thước 1,5x0,9cm được giám định tỷ lệ bổ sung (Áp dụng Chương 2, mục III.1). Tỷ lệ: 21%;

Kết luận: Căn cứ thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định bổ sung của nạn nhân Nguyễn Thái B -1996 áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là: 46% (Bốn mươi sáu phần trăm).

\* Tại Công văn số 295/TTPY/2021 ngày 02/8/2021 của Trung tâm pháp y sở y tế Đồng Nai đã tiến hành tổng hợp tỷ lệ tổn thương và xác định “Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của nạn nhân Nguyễn Thái B là 58%”.

\* Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 0246 ngày 29/3/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Nai. Kết luận độ tuổi của Đặng Đình B là 17 tuổi 06 tháng (+/-06 tháng) kể từ ngày giám định 29/03/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Thái B yêu cầu Phan Trung H, Nguyễn Hoàng T, Đỗ Trung H, Nguyễn Hữu P, Đặng Đình B và Tiền Minh Đ liên đới bồi thường số tiền 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng). Gia đình Đỗ Trung H đã bồi thường cho anh B số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng), còn lại số tiền 305.000.000đ (Ba trăm lẻ năm triệu đồng) các bị cáo chưa bồi thường. Tại Tòa án, bị hại và gia đình các bị cáo (Phan Trung H, Đỗ Trung H, Nguyễn Hữu P, Đặng Đình B, Tiền Minh Đ) đã thống nhất bồi thường thêm số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) được bị hại đồng ý, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm và tự nguyện viết đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## *2. Các vấn đề khác:*

Đối với đối tượng tên Bình và V cùng tham gia đánh nhóm của L. Do chưa xác định được nhân thân lai lịch của B, V nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

\* Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 251/2022/HSST ngày 15/6/2022 của tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tuyên bố các bị cáo Phan Trung H, Đỗ Trung H, Tiền Minh Đ, Đặng Đình B, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Hoàng T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt Phan Trung H 05 (năm) năm tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù với bản án số 185/2021/HSST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2021;

2. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 05 (năm) tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2021.

3. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 98, Điều 101 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

4. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 98, Điều 101 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đỗ Trung H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/4/2021 đến ngày 11/5/2021.

5. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 98, Điều 101 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đặng Đình B 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021 đến ngày 09/4/2021.

6. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 98, Điều 101, Điều 56, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Tiền Minh Đ 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù với bản án số 181/2022/HSST ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2021;

7. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 02 (Hai) miếng xi măng đã bị vỡ kích thước: 15cmx39cmx1,5cm và 15cmx26cmx1,5cm.

Vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

8. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017):

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị D, Nguyễn Thị V mỗi người số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo các biên lai thu số 0002346 và 0002348 ngày 13/01/2022 tại Chi cục thi hành án thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Ngài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

+ Ngày 27/6/2022 các bị cáo Nguyễn Hữu P, Đỗ Trung H và Đặng Đình B nộp đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số: 251/2022/HSST ngày 15/6/2022 của tòa án nhân dân thành phố B. Đối với bị cáo P và B xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Chị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

*\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

Đối với bị cáo P và B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Chi N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Các bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo nặng nên xin giảm hình phạt. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo B và Chi N không cung cấp được chứng cứ gì mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Riêng bị cáo P có nộp huân chương kháng chiến của ông bà nội, đây là tình tiết được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đã được cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo P. Như vậy, cấp sơ thẩm đã xem xét xử phạt các bị cáo với mức án nêu trên là đúng quy định của pháp luật, không xử nặng như bị cáo kháng cáo.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 251/2022/HSST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu P, Đỗ Trung H và Đặng Đình B nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị cáo Chi N, B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt các bị cáo này.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo: Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai nhân chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó đã có đủ cơ sở kết luận:

Phan Trung H, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Hữu P, Đỗ Trung H, Đặng Đình B và Tiền Minh Đ gây thương tích cho anh Nguyễn Thái B với tỷ lệ tổn thương cơ thể 58%. Từ căn cứ trên, xác định các bị cáo Phan Trung H, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Hữu P, Đỗ Trung H, Đặng Đình B và Tiền Minh Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của con người; Xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự xã hội tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo là người đã trưởng thành, vì mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống đã không kiềm chế



được bản thân, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp.

- Trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, với tính chất đồng phạm giản đơn, cụ thể: Phan Trung H là người chủ mưu, rủ rê khởi xướng thực hiện hành vi phạm tội; Nguyễn Hữu P, Nguyễn Hoàng T, Bình là người thực hiện tích cực hành vi phạm tội (dùng tấm xi măng đánh bị hại); Đỗ Trung H là người thực hiện hành vi phạm tội (dùng viên gạch đỏ đánh bị hại); Đặng Đình B là người tham gia đuổi đánh thực hiện hành vi phạm tội; Tiền Minh Đ là người giúp sức thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Phan Trung H có nhân thân xấu. Do đó, cần có mức hình phạt đối với Phan Trung H cao hơn các bị cáo khác; Mức hình phạt đối với T cao hơn các bị cáo P, Đỗ Trung H, B, Đ do bị cáo T không thực hiện bồi thường thiệt hại cho bị hại.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo Phan Trung H, Đỗ Trung H, Nguyễn Hữu P, Đặng Đình B, Tiền Minh Đ đã bồi thường cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Phan Trung H có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: Mẹ ruột là bà Trần Thị Kim Anh Thi mắc bệnh ung thư di căn qua xương; Phan Trung H là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ, vợ Chị N thất nghiệp không có thu nhập có xác nhận của địa phương; Bị cáo Đỗ Trung H có cha (ông Đỗ Văn Hân) là người có công với cách mạng, được tặng thưởng nhiều huân chương chiến sỹ vẻ vang; Các bị cáo Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Hữu P, Đỗ Trung H, Đặng Đình B có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự); Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo Đỗ Trung H, Đặng Đình B, Nguyễn Hữu P tại thời điểm phạm tội là người dưới 18 tuổi nên khi xem xét quyết định hình phạt căn cứ vào quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định.

Hành vi của các bị cáo Đỗ Trung H, Đặng Đình B, Nguyễn Hữu P mang tính chất bộc phát, nhất thời phạm tội khi tuổi bị cáo còn nhỏ. Tính đến ngày phạm tội thì Đỗ Trung H được 17 tuổi 9 tháng 13 ngày; Nguyễn Hữu P 17 tuổi 04 tháng 22 ngày. Riêng đối với bị cáo Đặng Đình B, theo giấy khai sinh trẻ hạn thể hiện bị cáo B sinh ngày 24 tháng 05 năm 2002. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh của cơ quan điều tra tại Ủy ban nhân dân xã Bàng Adrênh, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk thì không thu thập được giấy chứng sinh của Đặng Đình B. Khi đi khai sinh, gia đình cũng không cung cấp giấy chứng sinh. Do đó, Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định trưng cầu giám định để xác định chính xác độ tuổi của B. Tại kết luận số 0246 ngày 29/3/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng

Nai, kết luận độ tuổi của Đặng Đình B là 17 tuổi 06 tháng (+/-06 tháng) kể từ ngày giám định 29/03/2021). Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, tính đến thời điểm phạm tội ngày 15/8/2020, bị cáo B chưa đủ 18 tuổi. Do đó, khả năng nhận thức của các bị cáo về pháp luật còn hạn chế, không thấy hết được tính nguy hiểm cho xã hội mà hành vi phạm tội của mình gây ra.

Căn cứ vào Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Các bị cáo Đỗ Trung H, Đặng Đình B, Nguyễn Hữu P, phạm tội thuộc trường hợp từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Cấp sơ thẩm đã xem xét xử phạt các bị cáo với mức án nêu trên là đúng quy định của pháp luật, không xử nặng như bị cáo kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

[3] Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 256 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu P, Đỗ Trung H và Đặng Đình B, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 251/2022/HSST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

1.1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 98, Điều 101 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 98, Điều 101 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đỗ Trung H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/4/2021 đến ngày 11/5/2021.

1.3. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 98, Điều 101 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đặng Đình B 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021 đến ngày 09/4/2021.

2. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hữu P, Đỗ Trung H và Đặng Đình B mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận::**

- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh ĐN
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố B;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Vĩnh Yên**